TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 87/2019/QĐST-HNGĐ	*Kỳ Anh, ngày 31tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 92/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2019, giữa:

1. **Nguyên đơn**: Anh Bùi Đức C

Sinh ngày 06 tháng 8 năm 1976

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

2. **Bị đơn**: Chị Nguyễn Thị Q

Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1981

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Huy A – chức vụ: Trưởng phòng phòng giao dịch Kỳ Anh. (văn bản ủy quyền số 904/UQ – HĐQT – NHCT18 ngày 11 tháng 11 năm 2018).

- Anh Bùi Đức M

Sinh ngày: 12 – 01 - 1988

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Chị Đào Thị Thu H

Sinh ngày: 10 – 01 - 1993

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Khoản 7 Điều 26, Điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 07 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 07 năm

2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Đức C và chị Nguyễn Thị Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Bùi Đức C và chị Nguyễn Thị Q có 03 con chung, gồm:

Họ và tên: Bùi Đức S– Sinh ngày: 23 tháng 12 năm 2001

Họ và tên: Bùi Đức V– Sinh ngày: 10 tháng 01 năm 2010

Họ và tên: Bùi Nhật Bảo N– Sinh ngày: 18 tháng 02 năm 2014

Giao con chung: Bùi Đức S và Bùi Đức V cho anh Bùi Đức C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

Giao con chung Bùi Nhật Bảo N cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án

Anh Bùi Đức C và chị Nguyễn Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Anh Bùi Đức C và chị Nguyễn Thị Q có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ tài sản khác: Chị Nguyễn Thị Q, anh Bùi Đức C, anh Bùi Đức M, chị Đào Thị Thu H và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ tài sản khác của vợ chồng anh C – chị Q và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án. Sự tự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Giao cho anh Bùi Đức C sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng thửa đất số 665, tờ bản đồ 01/299TTg thuộc Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 293,0 m^2 , có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 468552, số vào sổ cấp GCN: CH 00197, mang tên anh Bùi Đức C và chị Nguyễn Thị Q do UBND huyện Kỳ Anh , tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2011. (Quyền sử dụng thửa đất này và tài sản gắn liền với thửa đất được anh C và chị Q dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ

của anh Bùi Đức M và chị Đào Thị Thu H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1015.0420 ngày 20 tháng 4 năm 2015)

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ 16 thuộc Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 417,6 m^2, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 264908, số vào sổ cấp GCN: CH 00093, mang tên anh Bùi Đức C và chị Nguyễn Thị Q do UBND huyện Kỳ Anh , tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 21 tháng 9 năm 2015. Trên thửa đất này vợ chồng có 01 ngôi nhà 2,5 tầng, kết cấu bê tông cốt thép, diện tích sàn 150m^2.

(Thửa đất số 18, tờ bản đồ 16 thuộc Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cùng tài sản gắn liền với thửa đất được chị Q và anh C đang dùng để thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, chi nhánh Hà Tĩnh để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 1810.0187/2018 – HĐCVHM/NHCT430 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Hà Tĩnh và chị Nguyễn Thị Q, anh Bùi Đức C vào ngày 13 – 09 – 2018)

Anh Bùi Đức C chủ động làm thủ tục để sang tên, đổi chủ. Chị Nguyễn Thị Q sẽ có trách nhiệm cùng với anh C để làm thủ tục.

Anh Bùi Đức C phải đưa lại cho chị Nguyễn Thị Q số tiền: 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) là tiền chênh lệch chia tài sản.

- *Về nợ chung*

Anh Bùi Đức C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, chi nhánh Hà Tĩnh số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi kèm theo theo thỏa thuận tại hợp đồng số 1810.0187/2018 – HĐCVHM/NHCT430 giữa Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Hà Tĩnh và chị Nguyễn Thị Q, anh Bùi Đức C vào ngày 13 – 09 – 2018; tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ 16 thuộc Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cùng tài sản gắn liền với thửa đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 1910.0035/2019/HĐBĐ/NHCT430 ngày 01 – 7 – 2019.

Về nghĩa vụ về tài sản khác:

Ngày 20 tháng 4 năm 2015, Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Hà Tĩnh, anh Bùi Đức C và chị Nguyễn Thị Q thỏa thuận và lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1015.0420, theo đó: Anh C và chị Q dùng tài sản chung của vợ chồng là Quyền sử dụng thửa đất số 665, tờ bản đồ 01/299TTg thuộc Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 293,0 m^2 , có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 468552, số vào sổ cấp GCN: CH 00197 và tài sản gắn liền với thửa đất thế chấp tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam chi nhánh Hà Tĩnh để đảm bảo cho nghĩa vụ

trả nợ của anh Bùi Đức M- chị Đào Thị Thu H với giá trị gần nhất tại ngày 09 – 7 – 2019 là 672.600.000đ (*sáu trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng)*, theo hợp đồng tín dụng số 1810.0218/2018 – HĐCVHM/NHCT430 ngày 26 – 10 – 2018.

Vợ chồng anh Bùi Đức M, chị Đào Thị Thu H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam. Trường hợp anh Bùi Đức M – chị Đào Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đúng thời hạn, đúng thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng thì anh Bùi Đức C phải chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết tại Hợp đồng thế chấp đã ký. Khi anh C, chị Q hoàn tất thủ tục sang tên đổi chủ tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng thửa đất số 665, tờ bản đồ 01/299TTg thuộc Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh thì anh C có quyền và nghĩa vụ thực hiện đúng các thỏa thuận như cam kết tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1015.0420.

Về án phí: Anh Bùi Đức C thỏa thuận nộp toàn bộ 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005502 ngày 10 tháng 07 năm 2019. Nay anh Bùi Đức C được hoàn trả 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Văn thư.

THẨM PHÁN

Trần Quang Dũng